

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/ HNGĐ – ST

Ngày: 17/4/2018

V/v “ *Tranh chấp hôn nhân*

Và gia đình, ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Minh
2. Ông Phạm Văn Liệt

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư - Cán bộ TAND huyện Thanh Bình.

Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: không tham gia

Vào các ngày 30 tháng 3 năm 2018, ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 289/2017/ TLST – HNGĐ ngày 08/11/2017 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX- ST ngày 16 tháng 3 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Kiều Thị Thủy T – sinh năm: 1992 (Có mặt)
 2. *Bị đơn:* Huỳnh Thanh Tr, sinh năm: 1986 (Vắng mặt không lý do)
- Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/9/2017, bản khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Kiều Thị Thủy T trình bày: Chị T và anh Tr chung sống với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết ngày 06/9/2011 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Đồng Tháp.. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị cưỡng ép hay lừa dối. Trong thời gian chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc được

một khoảng thời gian ngắn thì anh Tr không lo làm ăn, thường uống rượu bia không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, thường cự cãi với nhau đến tháng 6 năm 2017 ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng cũng không gặp nhau để hòa giải đoàn tụ chung sống cùng nhau được.

Về con chung: Chị T và anh Tr chung sống với nhau có được 01 người con chung tên Huỳnh Minh H, sinh ngày 20/7/2012 hiện chị T đang nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, chị T không yêu cầu anh Tr thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai, không ai nợ lại chị Tiên, anh Trúc, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Huỳnh Thanh Tr: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 289/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 cho anh Tr, anh Tr có mặt tại địa phương nhưng không nhận và không cho biết lý do, vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật.

Tiếp theo vào các ngày 17 tháng 11 năm 2017, ngày 11 tháng 01 năm 2018 Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo phiên hòa giải lần thứ nhất và lần thứ hai, đồng thời lập Biên bản không tiến hành hòa giải được vào các ngày 27 tháng 11 năm 2017 và ngày 05 tháng 02 năm 2018 với lý do vắng mặt bị đơn, ngày 19 tháng 3 năm 2018 Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Do bị đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được để tiếp tục giải quyết vụ án.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST – HNGĐ, vụ án được xét xử vào lúc 14 giờ 00 ngày 30 tháng 3 năm 2018, bị đơn anh Huỳnh Thanh Tr vắng mặt lần 1 không rõ lý do nên Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên Tòa số 09/2018/QĐST – HNGĐ ngày 30/3/2018. Hội

đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con lúc 10 giờ ngày 17 tháng 4 năm 2018 nhưng anh Tr vắng mặt không lý do. căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Tr là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

-Về hôn nhân: Giữa chị T và anh Tr chung sống với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 01 cấp ngày 06/9/2011 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Đồng Tháp.là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên trong quá trình chung sống chị T và anh Tr phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình, anh Tr với chị bất đồng quan điểm sống đến tháng 6/2017 vợ chồng ly thân cho đến nay không thể hàn gắn đoàn tụ chung sống cùng nhau được, chị T cương quyết ly hôn với anh Tr. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai anh chị, phải có tình cảm yêu thương, quan tâm đến nhau thì mới mang lại hạnh phúc. Vì vậy cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Tr làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định “ *Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”. Cho nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tiên đối với anh Trúc là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T anh Tr sống chung với nhau cho được một con chung là Huỳnh Minh H, sinh ngày 20/7/2012. Tại tòa chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần cho cháu, xét điều kiện kinh tế, khả năng chăm sóc nuôi dưỡng của các bên đương sự. Vì vậy giao cháu Huỳnh Minh H, sinh ngày 20/7/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh Tr không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Tr có quyền thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở anh Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Tại tòa chị T thống nhất không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung anh chị không nợ ai, không ai nợ lại anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 171; khoản 1 Điều 207 khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, khoản 1 Điều 56, 81,82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Kiều Thị Thủy T với anh Huỳnh Thanh Tr.

2. **Về con chung:** Giao cháu Huỳnh Minh H, sinh ngày 20/7/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh Tr không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Anh Tr có quyền thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở anh Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị T thống nhất không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung anh chị không nợ ai, không ai nợ lại anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số BO/2014 00684 ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Chị T không phải đóng thêm tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ hôm nay tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh ĐT
- VKS huyện TB
- THADS Huyện TB
- Đường sự
- Lưu Hồ sơ & Văn Phòng
- UBND xã Tân Quới

Nguyễn Thị Kim Trinh